

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Nguyễn Thành Tới.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lương Quốc D, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. Có mặt

2. *Bị đơn:* bà Lê Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24-6-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lương Quốc D trình bày: Ông D và bà Lê Thị T trên cơ sở tìm hiểu với nhau qua một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T nghi ngờ ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông D yêu cầu ly hôn bà Lê Thị T.

Về con chung: Ông D và bà T có một con chung tên Lương Thiện Tr, sinh ngày 31-7-2009; hiện đang sống với ông D. Ông D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D và bà T không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông D và bà T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - bà Lê Thị T đã khai: Về quan hệ hôn nhân bà T thừa nhận như ông D đã khai. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D có tình cảm với người phụ nữ khác và bị bà T phát hiện vào ngày 05-5-2019. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên gây gổ và ông D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, bà T và ông D không thể hòa giải, hàn gắn nên bà T chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Quốc D.

Về con chung: Bà T và ông D có một con chung tên Lương Thiện Tr, sinh ngày 31-7-2009; hiện đang sống với ông D. Xét thấy ông D chăm sóc cháu Tr đảm bảo về vật chất và tinh thần nên bà T đồng ý giao cháu Tr cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông D không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông D tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện có vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Quốc D đối với bà Lê Thị T.

Về án phí: Buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Lương Quốc D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa ông D và bà Lê Thị T, bà T có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T là đúng qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Ông Lương Quốc D và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay ông D và bà T không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận ông Lương Quốc D và bà Lê Thị T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông D và bà T thống nhất có một con chung tên Lương Thiện Tr, sinh ngày 31-7-2009. Ông D và bà T thỏa thuận giao cháu Tr cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày ly thân cho đến nay ông D chăm sóc con tốt, đảm bảo các điều kiện cho con và việc thỏa thuận giữa ông D và bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr. Do đó, giao cháu Tr cho ông D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông D phải chịu án phí sơ thẩm; bà Lê Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương Quốc D và bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lương Thiện Tr, sinh ngày 31-7-2009 cho ông Lương Quốc D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông Lương Quốc D không yêu cầu bà Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở bà Lê Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lương Quốc D và bà Lê Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lương Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Lương Quốc D đã nộp

300.000 đồng theo biên lai số: **0022045** ngày 24-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Lê Thị T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Lương Quốc D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y1 (lưu);
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu